

Bản án số: **127/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 25 - 02 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Bà Châu Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11/12/2018 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 738/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn M – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2012, các bản tự khai, biên bản hòa giải và các chứng cứ có trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn M quen biết và tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường R, Quận Y, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 85, ngày 20/10/1993. Năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông M đi làm xa nhà, một mình bà A gánh vác nuôi dưỡng các con. Bà A là giáo viên thường xuyên tiếp xúc nhiều người, ông M có tính gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ, hay gây gổ làm ảnh hưởng uy tín của bà A, nên bà A bị khủng hoảng tinh thần, cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt. Năm 2011 bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M, sau đó Tòa án hòa giải cho đoàn tụ, nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nên bà A tiếp tục gửi đơn yêu cầu ly hôn ông M. Do vụ án để quá lâu, bà yêu cầu Tòa án xử cho bà ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Doãn K, sinh năm 1996 (đã trưởng thành), Trần Doãn Minh T, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Trần Doãn Thảo M sinh ngày 10/6/2004, bà A đồng ý để ông M trực tiếp nuôi con Trần Doãn Thảo M, bà A không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Tiền bán nhà ở quận Gò Vấp là 1.000.000.000 đồng, trong biên bản hòa giải ngày 29/6/2018 bà A đồng ý chia cho ông Anh là 600.000.000 đồng.

Bà A nợ ông M số tiền 269.000.000 đồng vào các ngày:

Ngày 04/3/2017 mượn 5.000.000 đồng.

Ngày 10/3/2017 mượn 5.000.000 đồng.

Ngày 14/3/2018 mượn 63.000.000 đồng.

Ngày 14/3/2018 mượn 8.000.000 đồng.

Ngày 18/3/2018 mượn: 29.000.000 đồng; 3.000.000 đồng; 1.000 USD; và 1 cây vàng SJC.

Ngày 16/3/2018 mượn 25.000.000 đồng và 22.000.000 đồng.

Ngày 17/3/2018 mượn 50.000.000 đồng.

Tổng cộng là 269.000.000 đồng

Nợ chung: Không có.

Theo bị đơn là ông Trần Văn M trình bày:

Ông thừa nhận về việc kết hôn, con chung bà A trình bày như trên là đúng, ông đồng ý ly hôn với bà A và đồng ý nuôi con Trần Doãn Thảo M, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ngày 18/4/2013 ông M có đơn yêu cầu được chia tài sản chung là 600.000.000 đồng, trong số tiền 1.000.000.000 đồng từ tiền bán nhà ở Gò Vấp. Ngoài ra, bà A còn mượn tiền của ông M nhiều lần như sau:

Ngày 14/3/2018 mượn 63.000.000 đồng.
Ngày 16/3/2018 mượn 22.000.000 đồng.
Ngày 15/3/2018 mượn 29.000.000 đồng
Tháng 3/2018 mượn 8.000.000 đồng.
Tháng 3/2018 mượn 3.000.000 đồng.
Tháng 3/2018 mượn 25.000.000 đồng.
Tháng 3/2018 đổi từ 1 cây vàng SJC là 36.000.000 đồng.
Tháng 3/2018 đổi từ .1000 USD là 22.500.000 đồng
Tháng 3/2018 mượn 50.000.000 đồng.
Ngày 04/5/2018 mượn 50.000.000 đồng chuyển qua cho Minh Thu.
Ngày 04/5/2018 mượn: 15.000.000 đồng
Năm 2017 mượn 5.000.000 đồng để sửa nhà
Năm 2017 mượn 5.000.000 đồng để sửa nhà
Tổng cộng là 333.500.000 đồng.
Ông yêu cầu bà A phải trả lại cho ông số tiền vay nợ này.

Tại Bản án sơ thẩm số 738/2018/HNGĐ-ST ngày 29/10/2018, được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 13/2018/QĐ-SCBSBA ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: Giao trẻ Trần Doãn Thảo M, sinh năm 2004 cho ông Trần Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn M không yêu cầu bà Nguyễn Thị Vân A cấp dưỡng nuôi con.

Ông bà Nguyễn Thị Vân A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2] Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn M, buộc bà Nguyễn Thị Vân A có trách nhiệm trả cho ông M số tiền 933.000.000 đồng (chín trăm ba mươi ba

triệu đồng), ông M không yêu cầu bà A tính lãi. Bà A phải thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đến tháng 5/2020.

[3] Bà A được hưởng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền chia tài sản chung từ tiền bán nhà ở quận Gò Vấp.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí:

[4.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), và án phí có giá ngạch là 33.320.000 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Vân A đã nộp tạm ứng án phí là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 02866 ngày 13/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Vân A còn phải nộp số tiền 33.120.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

[4.2] Bị đơn ông Trần Văn M phải chịu án phí có giá ngạch là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng). Ông Trần Văn M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai số 03286 ngày 03/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, và nộp số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0016456 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn M còn phải nộp số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quy định về việc thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2018, ông Trần Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Vân A, đồng thời là nguyên đơn trong vụ án cùng bị đơn là ông Trần Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông M bà A đã cùng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án được ghi nhận tại Đơn trình bày ngày 23/01/2019 và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai bên đề ngày 23/01/2019 như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn M thuận tình ly hôn;

+ Về con chung: Hai con chung Trần Doãn K và Trần Doãn Minh T đã thành niên. Giao con chung Trần Doãn Thảo M cho ông Trần Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Ông M rút lại yêu cầu đòi bà Vân A chia số tiền bán nhà ở quận Gò Vấp là 600.000.000 đồng và yêu cầu bà A trả khoản tiền bà A đã

mượn là 333.000.000 đồng. Bà Vân A và ông M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

+ Về nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông M hợp lệ; Về nội dung kháng cáo: các đương sự yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và đòi nợ vay, công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Trần Văn M làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường R, Quận Y, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, quyển số 85, ngày 20/10/1993 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay hai bên thỏa thuận về việc ly hôn, giao con chung chưa thành niên cho cha nuôi, mẹ không cấp dưỡng, ghi nhận nợ chung không có như trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với tài sản chung: Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn M, buộc bà Nguyễn Thị Vân A có trách nhiệm trả cho ông M số tiền 933.000.000 đồng (chín trăm ba mươi ba triệu đồng, bà A được hưởng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền chia tài sản chung từ tiền bán nhà ở quận Gò Vấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và bà Vân A thỏa thuận ông M rút lại yêu cầu phân tố về việc chia tài sản chung và yêu cầu đòi trả nợ vay nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Xét ông M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tuy nhiên ngày 23/01/2019, bà Vân A và ông M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc công nhận thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa không

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vắng mặt, do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và trả nợ vay như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: Bà Vân A chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp tài sản chung: Ông M đã rút lại yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung và trả nợ vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 300, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Trần Văn M. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 738/2018/HNGĐ-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn M thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Doãn Thảo M (nữ), sinh ngày 10/6/2004 cho cha là ông Trần Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn M không yêu cầu bà Nguyễn Thị Vân A cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Trần Văn M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Vân A phải trả số tiền vay 333.000.000 đồng và chia tài sản chung là 600.000.000 đồng.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng bà Nguyễn Thị Vân A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 02866 ngày 13/12/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp tài sản chung và đòi nợ vay ông M không phải chịu, hoàn lại cho ông Trần Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 03286 ngày 03/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, và 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016456 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông Trần Văn M phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016569 ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận Y;
- TAND Quận Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

